

DIỄN ĐÀN NGHIÊN CỨU VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

MỘT SỐ THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG THẺ THANH TOÁN

THS ĐẶNG CÔNG HOÀN

Trong khoảng 5 năm trở lại đây, sử dụng thanh toán bằng Thẻ Ngân hàng đang trở thành điểm nhấn chủ yếu trong công tác triển khai hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) trong nền kinh tế nước ta. Sự phát triển của công cụ thẻ thanh toán đã tạo ra một hiệu ứng tích cực cho cộng đồng dân cư trong việc sử dụng dịch vụ ngân hàng tài chính, tăng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ ngân hàng tài chính chiếm khoảng 23% dân số tính đến cuối năm 2010.

Có thể nói rằng, thẻ thanh toán đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện chủ trương của chính phủ về việc đẩy mạnh TTKDTM.

1. Những thuận lợi của công tác triển khai thẻ thanh toán

Phải nói rằng, dịch vụ thẻ thanh toán tại nước ta đang có rất nhiều điểm thuận lợi để phát triển một cách mạnh mẽ, đặc biệt những đặc điểm sau đây là sự minh chứng cho điều này:

Thứ nhất: Trong thực tế cho thấy đối tượng phát hành thẻ của các Ngân hàng đa số chủ yếu là trong độ tuổi lao động và cư dân đô thị. Theo báo cáo của các tổ chức thế quốc tế và các báo cáo có tên tuổi, đất nước ta có một



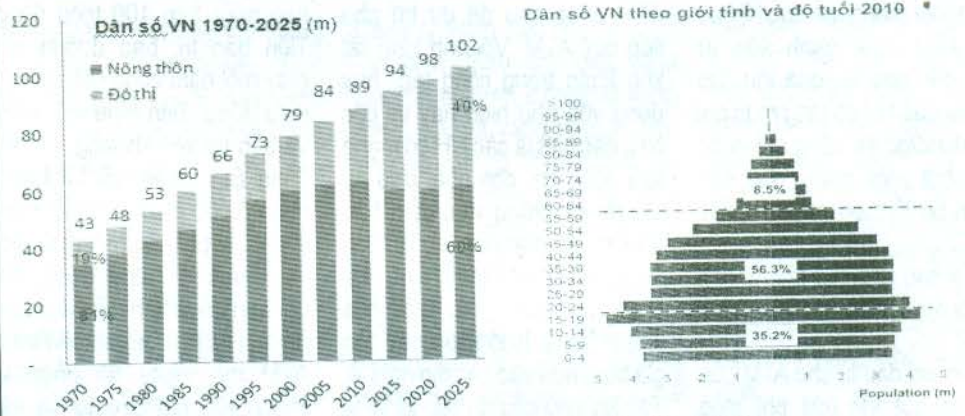
dân số rất trẻ, tỷ lệ số người trong tỷ lệ lao động lên đến gần 50 triệu người. Nền kinh tế sau nhiều năm tăng trưởng khá đã tạo điều kiện cho thu nhập quốc dân đầu người ở nước ta đã đạt ngưỡng trung bình >1000 USD/người. Trong đó, tầng lớp trung lưu ngày càng tăng lên đáng kể và đặc biệt cư dân đô thị tăng lên rất nhanh cùng với quá trình đô thị hoá của nền kinh tế-

đây là đối tượng rất tiềm năng cho hoạt động triển khai các dịch vụ ngân hàng tài chính cao cấp như như thẻ tín dụng, thẻ thông minh... Biểu đồ Tốc độ đô thị hoá và tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tăng nhanh và dự đoán các phân hoá mạnh trong tương lai với xu hướng cư dân đô thị ngày càng tăng lên.

Thứ hai: Các chính sách của Chính phủ và Ngân hàng Nhà

nước trong thời gian qua đã có những tác động tích cực và đáng kể cho việc mở rộng triển khai hoạt động TTKDTM. Cụ thể, có hai chính sách được đánh giá cao trong việc tạo điều kiện cho hoạt động phát hành và thanh toán thẻ là: Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg ngày 29/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án *Thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020*. Đây là một văn bản quan trọng, khẳng định quyết tâm và định hướng của Chính phủ trong việc đẩy mạnh TTKDTM, hạn chế tiền mặt trong lưu thông, hướng tới một hệ thống thanh toán hiện đại, an toàn và hiệu quả, phù hợp với xu hướng phát triển của khu vực cũng như thế giới trong quá trình hội nhập quốc tế. Tiếp đó, để góp phần cụ thể hoá việc triển khai

Bảng đồ : Phân bố dân số theo khu vực và theo độ tuổi của Việt Nam



Nguồn: United Nations Population Division (2009, 2010)

Đề án, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 20/2007-CT-TTg về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương ngân sách Nhà nước. Song song với quyết định này, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chỉ thị 05 hướng dẫn thực hiện, đã góp phần hỗ trợ đáng kể cho các ngân hàng trong việc đẩy mạnh hoạt động trả lương qua tài khoản tại các NHTM. Thông qua các chỉ đạo điều hành khác, các hoạt động TTKDTM khác cũng được quan tâm thực hiện tạo điều kiện cơ bản cho thị trường phát triển. Theo số liệu phân tích của MCI, sau khi có các chỉ đạo nêu trên, số thẻ ghi nợ nội địa đã tăng khoảng 75%/năm so với mức độ tăng chỉ khoảng 25% của thẻ tín dụng.

Thứ ba: Sản phẩm thẻ thanh toán và dịch vụ đại lý thanh toán thẻ được hầu hết các ngân hàng quan tâm phát triển. Đa số các ngân hàng, kể cả ngân hàng nội địa và ngân hàng 100% vốn nước ngoài đều coi thị trường thẻ là sản phẩm chủ lực, cốt lõi trong dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Con số hơn 80% số các ngân hàng Việt Nam đã triển khai phát hành thẻ đã cho thấy điều này.

Thứ tư: Sự quan tâm hưởng ứng của các đơn vị, cơ quan và người dân đối với dịch vụ thẻ đã có sự gia tăng và cải thiện rất đáng kể. Nhờ sự tuyên truyền hiệu quả của các ngân hàng và các cơ quan truyền thông, sản phẩm thẻ ngày càng được “binh

Bảng : Tình hình thanh toán lương qua tài khoản của các đơn vị hưởng lương Ngân sách

TT	Chỉ tiêu	12/2008	12/2009	12/2010
1	Số đơn vị hưởng lương từ NSNN trên toàn quốc	73.277	78.073	81.690
2	Số đơn vị hưởng lương NSNN đã trả lương qua tài khoản	20.838	32.131	43.953
3	Tỷ lệ	28.4%	41.1%	54%

Nguồn: Tạp chí Ngân hàng số 2-3/2011

dân hoá” và đang dần trở thành công cụ thanh toán và rút tiền quen thuộc của nhiều người dân. Đặc biệt là sự quan tâm hưởng ứng của các đơn vị hưởng lương ngân sách thông qua tài khoản và thẻ ngày càng tăng lên nhanh chóng

2. Một số khó khăn của hoạt động phát hành và thanh toán thẻ.

Tuy đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ trong những năm qua và có những thuận lợi đáng kể như trên nhưng không có nghĩa là hoạt động phát hành và thanh toán thẻ hoàn toàn “màu hồng”. Thậm chí, hoạt động này vẫn gặp rất nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng cũng như kỳ vọng do các nguyên nhân sau đây:

- **Thứ nhất:** Cho đến nay, tuy đã có nhiều sự quan tâm nhưng cơ bản nước ta vẫn chưa có các chính sách nhằm tạo bước đột phá đối với dịch vụ thanh toán thẻ như: 1) Chính sách về các loại hình kinh doanh bắt buộc phải thanh toán qua thẻ; 2) Chính sách giảm thuế/hoàn thuế cho các giao dịch thanh toán bằng thẻ; 3) Chính sách miễn/giảm

thuế nhập khẩu đối với thiết bị thanh toán thẻ EDC, ATM, phôi thẻ, phần mềm thẻ... hay như việc các cơ quan quản lý nhà nước (Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính...) cũng chưa có chính sách hiệu quả nhằm hạn chế việc sử dụng tiền mặt để mua sắm hàng hoá, dịch vụ, từ đó hiện thực hoá hiệu quả hơn việc thực hiện định hướng TTKDTM của Chính phủ.

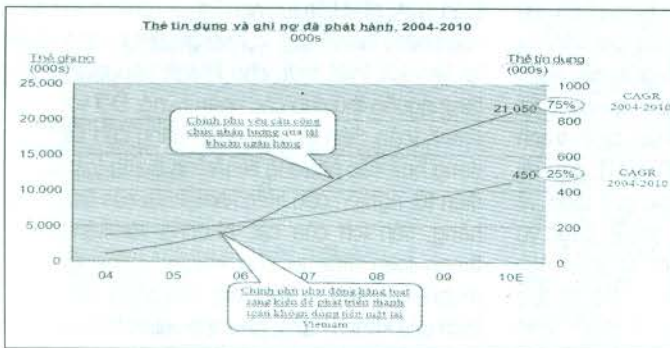
- **Thứ hai:** Mặc dù thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai một số chương trình mang tính định hướng thị trường nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển mạng lưới POS thẻ nội địa, tuy nhiên, việc mở rộng mạng lưới chấp nhận thẻ nội địa vẫn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Do phần lớn khách hàng sử dụng thẻ nội địa là người Việt Nam, vốn quá quen với việc sử dụng tiền mặt và lại luôn có sẵn tiền mặt cũng như dễ dàng tiếp cận với nguồn tiền mặt tại các hệ thống máy ATM, nên việc sử dụng các phương tiện thanh toán phi tiền mặt, trong đó có thẻ, nhìn chung còn rất hạn chế. Đây là lý do chính khiến việc phát triển mạng lưới ĐVCNT cho thẻ nội

địa, thu hút khách hàng sử dụng thẻ ghi nợ nội địa để thanh toán hàng hoá, dịch vụ chưa thu được kết quả tốt.

- **Thứ ba:** Do đặc điểm chung và yếu tố lịch sử, nhiều đơn vị kinh doanh không muốn chấp nhận thẻ do phải trả phí cho ngân hàng. Đồng thời, việc thanh toán thẻ đồng nghĩa với việc phải công khai doanh thu nên không phù hợp cho nhiều đơn vị kinh doanh chưa muốn sự minh bạch hoặc tránh thuế. Cũng vì thế, ngay cả với một số ĐVCNT, dù đã ký hợp đồng chấp nhận thẻ với ngân hàng, nhưng vẫn tìm nhiều cách hạn chế giao dịch bằng thẻ của khách hàng như để máy cà thẻ vào nơi khuất, gợi ý và ưu tiên cho khách hàng trả tiền mặt, thậm chí còn thu thêm phụ phí đối với khách hàng thanh toán bằng thẻ để hạn chế việc khách hàng yêu cầu chấp nhận thanh toán thẻ. Hiện nay, nhiều ngân hàng vẫn chỉ tập trung vào một nhóm các ĐVCNT nhất định mà không nghiên cứu mở rộng, phát triển các đơn vị mới, dẫn đến tình trạng một ĐVCNT có nhiều POS, kéo theo tỷ lệ sử dụng POS không cao, đồng thời gây lãng phí nguồn lực.

- **Thứ tư:** Sự gia tăng của các loại tội phạm thẻ đang đe dọa đến vấn đề đảm bảo an ninh, an toàn cho hoạt động kinh doanh thẻ, qua đó gây áp lực lớn cho việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng cũng như của ngân hàng bên cạnh các loại tội phạm công

Biểu đồ : Ảnh hưởng của Chính sách chính phủ đối với hoạt động phát hành thẻ Ghi nợ nội địa:



Nguồn: WCI - Vietnam Report 2010

Biểu đồ : Số ngân hàng tham gia phát hành và thanh toán thẻ tiếp tục gia tăng qua từng năm:



Nguồn: Báo cáo hàng năm của Hội thẻ NH Việt Nam

nghe cao với các hành vi như gắn thiết bị đánh cắp dữ liệu thẻ tại ATM, gian lận thông đồng với các ĐVCNT..., thì gần đây còn xuất hiện và gia tăng loại tội phạm với các hành vi phá hoại trắng trợn, liều lĩnh nhằm ăn cắp tiền tại các máy ATM. Cùng với đó, rủi ro gia tăng trong loại hình giao dịch thanh toán trực tuyến qua internet đang là các thách thức lớn trong quá trình đẩy mạnh hoạt động thanh toán thẻ xét từ phía khách hàng sử dụng thẻ cũng như từ phía ĐVCNT.

- Thứ năm: Một vài phương tiện thông tin đại chúng đôi lúc vẫn thường phản ánh những mặt tiêu cực mang tính cá biệt xảy ra trong hoạt động của Thẻ, ATM.... Một số cơ quan truyền thông đại chúng vẫn đưa nhiều thông tin trái chiều ảnh hưởng đến việc phát triển dịch vụ thẻ của các NH và tâm lý người sử dụng thẻ, cũng như việc thực hiện chủ trương của Nhà nước về TTKDTM.

3. Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động thanh toán thẻ trong giai đoạn tới

Về phía các cơ quan quản lý nhà nước:

Thứ nhất: Để đẩy mạnh việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, cụ thể là thông qua hoạt động thanh toán thẻ, Chính phủ cần sớm ban hành và áp dụng chính sách hỗ trợ tài chính cụ thể (miễn/giảm/hoàn thuế đối với phần doanh thu phát sinh từ hoạt động thanh toán thẻ, đối với phần thu nhập cá nhân phát sinh từ hoạt động chấp nhận thanh toán thẻ...); miễn giảm thuế nhập khẩu máy móc thiết bị chấp nhận thẻ; nghiên cứu và cho phép các Ngân hàng áp dụng chế độ thu phí hợp lý nhằm bù đắp được chi phí đầu tư cho mạng lưới chấp nhận thẻ, đặc biệt là cần áp dụng chủ trương tăng phí rút tiền mặt nhằm góp phần hạn chế lượng tiền mặt trong lưu

thông. Tỷ lệ hỗ trợ/miễn giảm cụ thể như thế nào NHNN, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các bên liên quan để đề xuất chủ trương nhằm đảm bảo hài hòa cân bằng thu chi ngân sách và khuyến khích được thị trường thẻ phát triển, tạo điều kiện cho việc thuận lợi hoá trong hoạt động thanh toán và minh bạch hoá dần dần hoạt động kinh doanh nói chung.

Thứ hai: NHNN cần tiếp tục chủ trì đẩy mạnh và đẩy nhanh việc kết nối liên thông

...Sản phẩm thẻ thanh toán và dịch vụ đại lý thanh toán thẻ được hầu hết các ngân hàng quan tâm phát triển. Đa số các ngân hàng kể cả ngân hàng nội địa và ngân hàng 100% vốn nước ngoài đều coi thị trường thẻ là sản phẩm chủ lực, cốt lõi trong dịch vụ ngân hàng bán lẻ...



mạng lưới POS, thẻ nội địa trên diện rộng (không chỉ dừng lại ở phạm vi như hiện nay) trên khắp cả nước. Đồng thời, làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, để nghiên cứu áp dụng quy định bắt buộc chấp nhận thanh toán thẻ đối với các doanh nghiệp trong một số ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh như kinh doanh bán lẻ trong giai đoạn trước mắt và sau đó tiếp tục mở rộng ra đối với tất cả các đơn vị cung ứng hàng hoá, dịch vụ, tạo cơ sở phát triển mạng lưới ĐVCNT

tương tự như Hàn Quốc và một số quốc gia phát triển khác đã làm.

Thứ ba: NHNN cần phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng thực thi các biện pháp (có thể áp dụng chế tài) giảm thiểu các hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các ngân hàng trong việc phát triển mạng lưới ĐVCNT, đặc biệt là biện pháp cạnh tranh giảm/miễn phí chiết khấu ĐVCNT gây rối loạn thị trường. Áp dụng các quy định về việc cung cấp dịch vụ tiêu chuẩn phục vụ khách hàng với mức phí hợp lý nhằm tạo điều kiện cho các ngân hàng đầu tư đẩy mạnh hoạt động phát hành và thanh toán thẻ

Thứ tư: NHNN làm đầu mối chuẩn hoá hoạt động thanh toán giữa ngân hàng với khách hàng và giữa ngân hàng với ngân hàng: đây là giải pháp nhằm tạo nền tảng cho việc ứng dụng cơ chế xử lý tự động các giao dịch thanh toán, tăng tốc độ xử lý giao dịch và qua đó giảm chi phí. Chuẩn hoá thực hiện từ khâu mẫu biểu, quy trình, cơ chế xử lý giữa các ngân hàng. Ngoài ra, xu hướng hợp nhất các hệ thống thanh toán cũng có thể là một biện pháp nhằm thống nhất một hệ thống thanh toán chung trong cả hệ thống ngân hàng Việt Nam, hướng các Ngân hàng thu hẹp dần các kênh thanh toán song phương, qua đó giảm bớt rủi ro và gia tăng tính tiện lợi trong việc xử lý các giao dịch thanh toán.

Thứ năm: NHNN cần tăng cường hợp tác với các TCTQT, các tổ chức thanh toán toàn cầu, các tổ chức cung ứng giải pháp thanh toán, các Hiệp hội Ngân hàng trong khu vực và trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm và nâng cao trình độ, bắt kịp xu hướng phát triển các phương tiện thanh toán tiên tiến, hiện đại trên thế giới, ứng dụng vào Việt Nam một cách hiệu quả. Đồng thời cần có các tác động phù hợp đến các tổ chức thẻ quốc tế trong việc áp dụng các mức phí xử lý giao dịch phù hợp với đặc điểm thị trường Việt Nam, bảo vệ lợi ích của các ngân hàng và khách hàng Việt Nam trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ thanh toán quốc tế.

Về phía các NHTM :

Đối với các NHTM, dù đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong thời gian qua, tuy nhiên trong thực tế kết quả đạt được chưa như kỳ vọng, của người dân và cơ quan quản lý. Để tiếp tục phát triển lành mạnh các công cụ không dùng tiền mặt, các ngân hàng cần quan tâm đến các nội dung sau:

Thứ nhất: Các ngân hàng cần tăng cường đầu tư công nghệ, đặc biệt là các thiết bị thẻ và mở rộng mạng lưới ĐVCNT, đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt, an toàn cũng như tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm thẻ và các dịch vụ gia tăng mang lại tiện ích thiết thực cho khách hàng, gia tăng nguồn thu cho các ngân hàng. Đối với thanh toán điện tử, các ngân hàng cần đa dạng hoá các phương tiện/kênh thanh toán điện tử, nghiên cứu triển khai thêm các tính năng, tiện ích của các phương tiện/kênh thanh toán điện tử như internet banking, mobile banking..., đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng, phù hợp với xu hướng phát triển thanh toán điện tử trong khu vực

và trên thế giới. Trong đó, các ngân hàng cần chú trọng mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử tiêu biểu và có tác động đến diện rộng khách hàng sử dụng dịch vụ như: doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng không, du lịch, vận tải hành khách, siêu thị, trung tâm thương mại,...

Thứ hai: Các ngân hàng cần tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro trong hoạt động thanh toán thẻ cũng như thanh toán điện tử, bảo vệ quyền lợi của Ngân hàng và của khách hàng, tạo niềm tin đối với các phương tiện/kênh thanh toán hiện đại. Ngoài ra, các ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ cũng cần chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng như dịch vụ giải quyết tra soát khiếu nại, hỗ trợ giải đáp thắc mắc,... liên quan đến các giao dịch thanh toán thẻ/điện tử của khách hàng, bao gồm khách hàng sử dụng thẻ và các ĐVCNT.

Thứ ba: Các ngân hàng cần tích cực đầu tư mở rộng liên kết hợp tác trong thanh toán thẻ thông qua việc triển khai toàn diện hoạt động kết nối các hệ thống thẻ để khai thác tận dụng tối đa nguồn lực đầu tư đồng thời tăng cường dịch vụ phục vụ khách hàng sử dụng thẻ. Tích cực làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ thiết yếu như điện, nước, điện thoại... để mở rộng việc chấp nhận thanh toán các phí giao dịch cơ bản hàng ngày thông qua thẻ và thông qua ATM để nâng cao giá trị và tiện ích của thẻ để chủ thẻ có điều kiện ngày càng thuận lợi hơn trong sử dụng thẻ.

Thứ tư: Việc tăng cường công tác thông tin tuyên truyền ủng hộ về hoạt động thanh toán thẻ/thanh toán điện tử, phổ biến kiến thức cho các tầng lớp dân cư về tiện ích, tính năng của phương tiện thanh toán thẻ, khuyến khích khách hàng sử dụng các phương tiện thanh toán hiện đại trong thanh toán hàng hoá, dịch vụ cần được coi trọng. Song song với việc cập nhật các rủi ro trong thanh toán điện tử để khách hàng hiểu biết về dịch vụ, hạn chế được rủi ro để từ đó yên tâm sử dụng dịch vụ cũng là một yêu cầu rất quan trọng cần đến sự phối hợp tích cực và thường xuyên từ hai phía, các cơ quan quản lý vĩ mô và các ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán vì mục tiêu thúc đẩy thanh toán thẻ phát triển ■

Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo thường niên Hội thẻ Ngân hàng 2006-2010
- Master Card Advisor 2011
- Visa International Reports 2010
- Nielsen Report 2010
- United Nations Population Division 2009, 2010
- WCI: Vietnam 2010
- Euromonitor 2010
- Tạp chí ngân hàng số 2-3 năm 2011.
- Tài liệu hội thảo Thúc đẩy thanh toán thẻ và Thanh toán điện tử, HHHH Việt Nam 2011.



LẠM PHÁT VẤN ĐỀ NỔI CỘM

TS - NGUYỄN ĐẠI LAI

Hình ảnh lạm phát của 6 tháng đầu năm 2008 lại hiện hình trong 4 tháng đầu năm 2011 này. Để cảm nhận được tính chất nổi cộm của lạm phát, cũng cần nhìn lại lịch sử gần nhất để suy ngẫm: Cách đây gần tròn 3 năm, đến hết tháng 6/2008, lạm phát ở nước ta là 18,44% so với 31/12/2007 (sau 4 tháng là 11,9%) và 24,8% so cùng kỳ năm 2007 - Mức cao nhất trong 15 năm kể từ 1993! (diễn biến lạm phát 6 tháng đầu năm 2008 lần lượt là: T1: 2,38%, T2: 3,56%, T3: 2,99%, T4: 2,2%, T5: 3,91%, T6: 2,14%=>6 tháng: 18,44%). Các con số nói trên của 4 tháng đầu năm 2011 sau 19,98% năm 2008; 6,88% năm 2009 và 11,75% năm 2010, tức là sau lạm phát tính dồn 3 năm đã là 43,3% (tháng 12 năm 2010 so với tháng 12 năm 2007) và sau 4 tháng đầu năm 2011, lạm phát đã ở mức 9,64% so với 31/12/2010 cũng không kém

mức độ nổi cộm. Nếu “đọc” theo cách so với tháng 4 năm 2010, tức cùng kỳ thì CPI đến hết tháng 4/2011 đã là 17,51%, tức là bình quân tới 1,46%/tháng so với lãi suất tiết kiệm bình quân cũng thời gian trên khoảng 1,18%/tháng, tức là lãi suất thực âm so với lạm phát - Trong đó lạm phát của các tháng sau so với tháng trước liên kế của 4 tháng đầu năm 2011 lần lượt là: T1: 1,74%, T2: 2,09%, T3: 2,17%, T4: 3,32%.

Lạm phát luôn gây những cú sốc tấn công vào mọi mặt của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của quốc gia, buộc Chính phủ phải ra tay chống đỡ. Các vấn đề lạm phát nổi cộm sẽ xuất hiện qua các hiện tượng mang tính qui luật như: thanh khoản trong các ngân hàng bị thắt chặt, lãi suất phải dâng cao, các kỳ vọng về tăng trưởng xấu đi, giá vốn đã cao lại bị khuếch đại bởi các yếu tố tâm lý, tiền trong lưu thông luôn có xu hướng tìm nơi trú ẩn vào các vật mang giá trị có tính truyền thống như: vàng, bạc, ngoại tệ, bất động sản, nguyên, nhiên vật liệu quý... làm cho các loại hàng hoá, dịch vụ đều tăng giá. Nghĩa là chỉ có sức mua của đồng nội tệ là xuống giá!